

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 304/2020/DS-PT
Ngày: 25-8-2020
V/v tranh chấp: “chia di sản thừa kế
theo pháp luật”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Tuyên.

Các Thẩm phán: 1/ Ông Phan Văn Huyện

2/ Bà Trần Thị Kim Em

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Hữu Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2020/TLPT-DS ngày 17 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp “Chia di sản thừa kế theo pháp luật”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 149/2019/DS-ST ngày 03 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 63/2020/QĐ-PT ngày 02 tháng 03 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1928.

Địa chỉ: Số 57D, tổ 13, khu 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Lê Thị Ngọc D, sinh năm: 1967 (có mặt).

Địa chỉ: Số 259, đường H, phường Ch, quận H, thành phố Hồ Chí Minh (Theo văn bản ủy quyền chứng thực ngày 10/9/2014).

Bị đơn: Nguyễn Văn C (Nguyễn Ngọc C), sinh năm 1966.

Địa chỉ: Bonbudach, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Chị Nguyễn Thị Hoàng Tr, sinh năm 1964. (có mặt)

Địa chỉ: số 265 ấp Ah, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Theo văn bản ủy quyền chứng thực ngày 28/8/2014).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Tấn Th (Đã chết).

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Tấn Th:

- Cụ Trần Thị Nh, sinh năm: 1933.

- Ông Nguyễn Hoàng L, sinh năm: 1964. (có mặt)

Cùng địa chỉ: số 250 tổ 9, ấp H, xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Ông Nguyễn Sơn H, sinh năm: 1956.

Hộ khẩu: Số 8/9, đường 870B, tổ 13, ấp 02, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Nơi sinh sống: Số 20/6 đường L, phường 5, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1958.

Địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của cụ Trần Thị Nh, bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Sơn H: Ông Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Ấp H, xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Theo văn bản ủy quyền ngày 28/6/2014, ngày 14/01/2015, ngày 16/01/2015).

2. Ông Nguyễn Tòng B (Đã chết).

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Tòng B:

- Bà Bùi Thị M, sinh năm: 1940

- Chị Nguyễn Thị S, sinh năm: 1969 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Khu phố Ô, phường T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Bà Nguyễn Thị Hoàng Tr, sinh năm: 1964.

Địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Ông Nguyễn Minh Tr, sinh năm: 1956.

Địa chỉ: Tổ 6, phường N, thị xã G, tỉnh Đắk Nông.

Ủy quyền: Chị Nguyễn Thị Hoàng Tr, sinh năm 1964. (có mặt)

Địa chỉ: số 265 ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Ông Nguyễn Thế H, sinh năm: 1965.

Địa chỉ: thôn 6, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Ủy quyền: Chị Nguyễn Thị Hoàng Tr, sinh năm 1964. (có mặt)

Địa chỉ: số 265 ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền

3. Ông Nguyễn Tấn P, sinh năm: 1963.

4. Chị Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm: 1988.

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị Hồng N: Bà Nguyễn Thị Hoàng Tr, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Theo văn bản ủy quyền chứng thực ngày 09/9/2014).

5. Bà Nguyễn Thị Hữu P, sinh năm: 1947.

6. Ông Vũ B, sinh năm: 1967.

7. Bà Lê Thị T, sinh năm: 1971.

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Hoàng Tr Nguyễn Thị S; Nguyễn Thế H; Nguyễn Minh Tr.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ng, người đại diện theo ủy quyền bà Lê Thị Ngọc D trình bày:

Cha bà tên Nguyễn Tấn Tr (Chết năm 1988), mẹ bà tên Trần Thị C (Chết năm 1975). Cha mẹ bà có 04 người con là Nguyễn Thị Ng; Nguyễn Thị Hữu P; Nguyễn Tấn Th (Chết năm 1964) có vợ là Trần Thị Nh và 03 con là Nguyễn Sơn H, Nguyễn Thị N, Nguyễn Hoàng L và Nguyễn Tòng B (Chết năm 1968) có vợ là Bùi Thị M và 05 con là Nguyễn Minh Tr, Nguyễn Thị Hoàng Tr, Nguyễn Thế H, Nguyễn Văn C và Nguyễn Thị S.

Lúc sinh thời cha mẹ bà tạo lập được khoảng 9.000m², đất tọa lạc tại ấp L, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Sau đó, cha có cho bà Phước 3.000m², còn lại hai thửa đất số 91, diện tích 5.100m² và thửa số 92, diện tích 684m².

Năm 1988, cụ Tr chết không để lại di chúc. Sau ông C đã tự ý kê khai đăng ký quyền sử dụng đất ở 02 thửa gồm thửa số 91, diện tích 5.100m² và thửa đất số 92, diện tích 684m² mà không thông qua bà cùng những người đồng sở hữu khác. 02 thửa đất hiện nay do bà Nguyễn Thị Hoàng Tr đang quản lý, sử dụng.

Nay bà yêu cầu Tòa án xác định thửa đất số 91, 92 nêu trên do Nguyễn Văn C đại diện hộ đứng tên là di sản thừa kế của cụ Tr chết để lại chưa chia. Nay bà yêu cầu chia thừa kế 02 thửa đất số 91 và 92 theo quy định của pháp luật ra làm 03 phần bằng nhau cho Nguyễn Thị Ng, Nguyễn Tấn Th (Vợ và các con ông Th nhận thay), Nguyễn Tòng B (Vợ và các con ông B nhận thay), mỗi người 01 phần, bà yêu cầu chia giá trị thành tiền.

- *Theo Bản tự khai không đề ngày và các lời khai quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn C (Nguyễn Ngọc C), người đại diện theo ủy quyền chị Nguyễn Thị Hoàng Tr trình bày:*

Thời gian mất, các người con của cụ Tr, cụ C, hàng thừa kế của ông T, ông B như lời trình bày của nguyên đơn là đúng. Khi còn sống, cụ Tr, cụ C đã cho bà P 3.000m² đất. Nguồn gốc đất tranh chấp ở thửa 91, 92 là do cụ Tr, cụ C để lại không có di chúc và cụ Tr đã cho các anh, em của chị. Các con của cụ Tr, cụ C cũng không có tranh chấp về hàng thừa kế cũng như không có văn bản thỏa thuận phân đất cụ Tr, cụ C chết để lại là tài sản chung. Sau khi cụ Tr chết thì anh C là người sống chung cụ Tr nên anh C kê khai đăng ký và được cấp giấy trắng thửa 91, 92 và đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1994. Hiện nay, chị Tr đang quản lý, sử dụng. Nay anh C không đồng ý với yêu cầu chia thừa kế của bà Ng và anh H.

- Theo Tờ tự khai ngày 03/7/2014, Đơn kiện độc lập đề ngày 19/10/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Nh, chị Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Sơn H, anh Nguyễn Hoàng L (Do ông L làm người đại diện theo ủy quyền) trình bày:

Thống nhất với ý kiến và lời trình bày của chị D về nguồn gốc, quá trình kê khai và sử dụng thửa số 91, 92 và yêu cầu xác định thửa đất 91, 92 là di sản do cụ Tr, cụ C chết để lại không có di chúc.

Anh H có đơn yêu cầu chia thừa kế 02 thửa đất này theo quy định của pháp luật ra làm 03 phần bằng nhau, anh H yêu cầu chia kỹ phần của cha anh là ông Nguyễn Tấn Th, chia cho bà Ng và ông Nguyễn Tòng B (05 người con của ông B), anh yêu cầu chia bằng giá trị thành tiền.

- Theo Tờ tự khai không đề ngày và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Hoàng Tr trình bày:

Chị thống nhất ý kiến, lời khai và yêu cầu của anh C, không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu khởi kiện của bà Ng và anh H.

- Theo các Biên bản lấy lời khai ngày 03/03/2016, ngày 07/03/2016 cụ Bùi Thị M, chị Nguyễn Thị S, anh Nguyễn Minh Tr trình bày:

Cụ Tr, cụ C có 04 người con và các hàng thừa kế của ông Th, ông B giống như lời trình bày của bà Ng. Về nguồn gốc thửa đất tranh chấp, bà xác định do cụ Tr, cụ C chết để lại 02 thửa đất. Sau đó, anh C đi kê khai đứng tên thành thửa 91, 92. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Ng, anh H thì không đồng ý, cũng không yêu cầu chia.

- Theo Tờ tự khai ngày 14/11/2014 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hữu P trình bày:

Cụ Tr, cụ C là cha mẹ bà có 04 người con như lời trình bày của bà Ng là đúng. Bà xác định cha mẹ chết không để lại di chúc, 02 phần đất trên là di sản thừa kế của cha, mẹ để lại chưa chia. Do bà đã được cha mẹ cho 3.000m² đất lúc còn sống, bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà Ng và anh H, bà không yêu cầu chia phần cho bà.

- Theo tờ tự khai ngày 23/11/2014, và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị T, anh Vũ B trình bày:

Anh chị có căn nhà cất vào năm 1995, đến năm 2009 đã sửa lại thành nhà tường, nền gạch tàu, mái tôn trên thửa đất số 91 do anh C đứng tên và do chị T đang quản lý. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Ng, anh chị không có ý kiến gì.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 149/2019/DS-ST ngày 03 tháng 9 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã quyết định áp dụng:

- Căn cứ vào các Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 652 và Điều 623 của Bộ luật dân sự; Khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009.

*** Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ng.

- Buộc anh Nguyễn Văn C (Nguyễn Ngọc C) chia cho bà Nguyễn Thị Ng số tiền là 991.542.857 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của anh Nguyễn Sơn H là đại diện hàng thừa kế thế vị của ông Nguyễn Tấn Th.

- Buộc anh Nguyễn Văn C (Nguyễn Ngọc C) chia cho anh Nguyễn Sơn H là đại diện hàng thừa kế thế vị của ông Nguyễn Tấn Th số tiền là 991.542.857 đồng.

Thời hạn các bên giao nhận tiền ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Ng, anh H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh C chậm trả tiền thì hàng tháng còn phải trả thêm tiền lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

3. Chia cho anh Nguyễn Văn C được quyền tiếp tục quản lý sử dụng 02 thửa đất số 91, diện tích 5.100m² và thửa đất số 92, diện tích 684m², tọa lạc tại ấp L, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện C đã cấp cho anh C đứng tên vào ngày 30/3/1994 (Giấy trắng).

- Giao anh Nguyễn Văn C tiếp tục giữ kỷ phần thừa kế của ông Nguyễn Tòng B.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 16/9/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Hoàng Tr có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết:

- Chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Tấn Tr (nội ông C) phải trừ chi phí điều trị bệnh và mai táng, làm mồ mã cho ông Tr là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng). Đồng thời phải tính công quản lý, gìn giữ, bồi thổ đất là trị giá 01 kỷ phần.

- Chia 02 thửa đất số 91, 92 làm 04 kỷ phần bằng nhau, sau khi đã trừ chi phí trị bệnh và tiền mai táng chôn cất, mồ mã cho ông Tr.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Thị Ng và Nguyễn Sơn H chia 02 thửa đất số 91, 92 thành ba phần bằng nhau.

Ngày 04 tháng 10 năm 2019 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị S; Nguyễn Thế H; Nguyễn Minh Tr có đơn kháng cáo toàn bộ bản

án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ng, không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Sơn H.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ng phát biểu bà đề nghị: việc yêu cầu giám định của bà T là không cần thiết và không ảnh hưởng gì đến việc giải quyết vụ án. Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của ba má bà Ng chết để lại, nhưng ông C làm thủ tục và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là vi phạm, không có sự đồng ý của hàng thừa kế của ông Tr, bà C. Đây là di sản của ba má bà Ng chết để lại không có di chúc nên bà Ng khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật là có căn cứ. Bà T kháng cáo yêu cầu chia kỷ phần gìn giữ là không hợp pháp, vì ông C quản lý đất là không hợp pháp. Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T, S, H, Tr phát biểu và đề nghị: đơn khởi kiện của bà Ng là chia tài sản thuộc sở hữu chung, nhưng án sơ thẩm lại xác định quan hệ tranh chấp là chia di sản thừa kế là không đúng. Phần diện tích đất tranh chấp là tài sản của ông Tr, bà C tạo lập, nguyên đơn khởi kiện yêu chia di sản của ông Tr, nhưng án sơ thẩm lại chia hết di sản của ông Tr và bà C là không đúng, đối với $\frac{1}{2}$ di sản của bà C đã hết thời hiệu cần giao cho người trực tiếp quản lý sử dụng được hưởng. Đơn khởi kiện xác định hai thừa đất là do ông C đại diện hộ đứng tên, nhưng án sơ thẩm chưa điều tra làm rõ hộ của ông Tr là những thành viên nào là ảnh hưởng đến quyền lợi của những thành viên trong hộ. Án sơ thẩm chia $\frac{1}{2}$ kỷ phần gìn giữ là chưa phù hợp với án lệ, bà Tr là người trực tiếp quản lý di sản, ông C chỉ là người đứng tên, nhưng án sơ thẩm giao kỷ phần gìn giữ cho ông C là không đúng. Đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn và người liên quan, sửa án sơ thẩm, xác định kỷ phần gìn giữ là 1 kỷ phần, chia di sản $\frac{1}{2}$ của ông Tr, $\frac{1}{2}$ của bà C hết thời hiệu giao cho người đang trực tiếp quản lý được hưởng, nếu vi phạm không khắc phục được đề nghị hủy án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến: Về tổ tụng việc tuân theo pháp luật tổ tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: các đương sự thống nhất di sản đang tranh chấp là của cụ Tr và cụ C chết để lại, thời hiệu khởi kiện chia di sản vẫn còn, đây là di sản của cụ Tr, C nhưng ông C đứng tên quyền sử dụng đất là không đúng, ông C cho rằng được cụ Tr cho nhưng không có giấy tờ gì. Yêu cầu kháng cáo của bà Tr, S, ông H, Tr là không có căn cứ, đề nghị án dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Bùi Thị M, Nguyễn Thị Hữu P, Lê Thị T, ông Nguyễn Tấn P, Vũ B vắng mặt do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ đúng quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Trong đơn khởi kiện nguyên đơn bà Ng và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông H yêu cầu là chia thừa kế di sản là quyền sử dụng đất do ông Tr chết để lại theo quy định pháp luật, án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp chia tài sản thừa kế là có căn cứ đúng theo quy định tại Điều 649 của Bộ luật dân sự.

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập kiện tranh chấp liên quan đến thừa kế tài sản theo quy định tại khoản 5 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tài sản các bên tranh chấp là các phần đất tọa lạc tại huyện C, tỉnh Tiền Giang, đồng thời bị đơn cũng có địa chỉ và sinh sống tại huyện C, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Đơn kháng cáo của bà Trang, bà Sang, ông Hiền, ông Trí đúng quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Xét về nội dung và tố tụng của án sơ thẩm:

[5.1] Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 30/3/1994 (Giấy trắng) gồm thửa số 91, diện tích 5.100m² và thửa đất số 92, diện tích 684m², tọa lạc tại ấp L, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang là cấp cho ông bà Nguyễn Ngọc C. Ông C có vợ là bà Nguyễn Thị S, tài sản cấp giấy trong thời kỳ chung sống vợ chồng giữa ông C và bà S, án sơ thẩm chia hai thửa số 91, diện tích 5.100m² và thửa đất số 92, diện tích 684m², nhưng án sơ thẩm không đưa bà Nguyễn Thị S vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà S.

[5.2] Án sơ thẩm xác định về nguồn gốc 02 thửa đất số 91, diện tích 5.100m² và thửa đất số 92, diện tích 684m² là của cụ Nguyễn Tấn Tr và cụ Trần Thị C. Năm 1975, cụ C chết, đất do cụ Tr quản lý canh tác và kê khai đứng tên trên sổ bộ địa chính, theo quy định tại công văn 1568 ngày 25/4/2007 của Bộ Tài nguyên và môi trường là một trong các loại giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 50 Luật đất đai năm 1997. Bà Ng, anh H tranh chấp yêu cầu xác định 02 thửa đất trên là di sản của cụ Tr và yêu cầu chia thừa kế theo quy định pháp luật. Khi giải quyết án sơ thẩm lại chia hết toàn bộ di sản của cụ Tr và của cụ C là vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu.

[5.3] Theo đơn xác nhận ngày 30/12/2019 của bà Nguyễn Thị Hoàng Tr: ông C đứng tên hai phần đất tranh chấp nhưng từ năm 1994 ông C đã đi lập nghiệp và sinh sống tại tỉnh Đắk Nông, bà Tr là người trực tiếp quản lý và sử dụng hai phần đất tranh chấp nêu trên. Chia công sức quản lý gìn giữ là chia cho người trực tiếp quản lý gìn giữ, án sơ thẩm chưa xác minh làm rõ ai là người trực tiếp quản lý gìn giữ, lại giao kỷ phần quản lý gìn giữ cho tất cả những người con của ông Nguyễn Tòng B là không đúng.

Những sai sót trên Tòa án cấp phúc thẩm không thể bỏ sung, khắc phục được. Để đảm bảo nguyên tắc xét xử hai cấp và đảm bảo quyền kháng cáo của các đương sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm cần hủy bản án sơ thẩm.

Do hủy án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử chưa xem xét đến yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hoàng Tr, Nguyễn Thị S, ông Nguyễn Thế H; Nguyễn Minh Tr.

[6] Xét đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn không có căn cứ, không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Xét đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Tr, S, ông H, ông Tr có căn cứ một phần, được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát không phù hợp với những nhận định như đã nêu trên nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Do hủy bản án sơ thẩm nên bà Tr, S, ông H, ông Tr không phải chịu án phí phúc thẩm. Án phí dân sự sơ thẩm được giải quyết lại khi giải quyết lại vụ án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, Điều 310, 296, khoản 3 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

* **Xử:** 1/ Hủy bản án Dân sự sơ thẩm số 149/2019/DS-ST ngày 03/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2/ Về án phí: bà Nguyễn Thị Hoàng Tr, bà Nguyễn Thị S, ông Nguyễn Thế H, ông Nguyễn Minh Tr không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn lại bà Nguyễn Thị Hoàng Tr 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0002389 ngày 16/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Hoàn lại bà Nguyễn Thị S 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0002449 ngày 04/10/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Hoàn lại ông Nguyễn Thế H 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0002450 ngày 04/10/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Hoàn lại ông Nguyễn Minh Tr 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0002451 ngày 04/10/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Ngọc Tuyên